

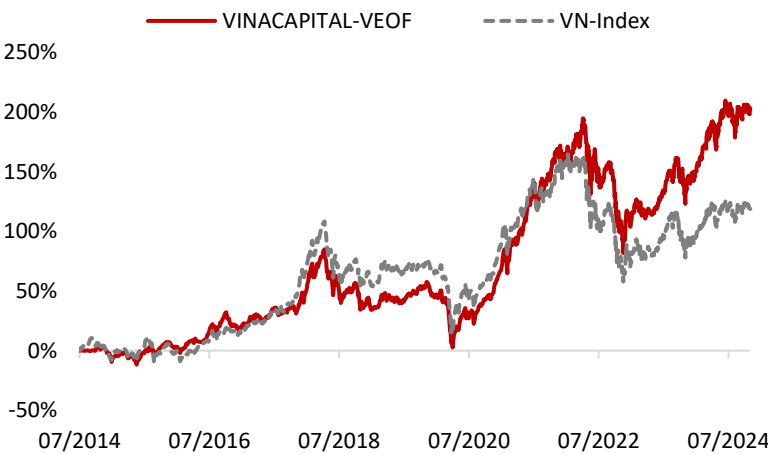
VINACAPITAL-VEOF

Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động, lựa chọn những cổ phiếu có kỳ vọng sinh lời cao thông qua quá trình nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng.

Quỹ đầu tư tập trung chủ yếu vào cổ phiếu niêm yết của các công ty có vốn hóa lớn và vừa, các công ty đầu ngành hoặc có lợi thế cạnh tranh khác biệt, có nhiều tiềm năng tăng trưởng và đang được định giá thấp.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VEOF

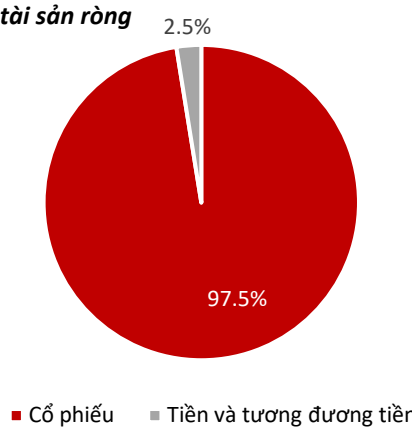
	VINACAPITAL-VEOF	VN-Index
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,010.1	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	30,319.5	
Lợi nhuận tháng 10/2024 (%)	(0.8)	(1.8)
Lợi nhuận từ đầu năm 2024 (%)	21.1	11.9
Lợi nhuận kép trung bình 3 năm (%/năm)	4.3	(4.3)
Lợi nhuận kép trung bình 5 năm (%/năm)	14.5	4.8
Lợi nhuận kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm)	11.3	7.9
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	203.2	118.7

(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



Thông tin quỹ

Ngày thành lập	07/01/2014
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 1.5% >= 12 tháng 0.5% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, Từ thứ Hai đến thứ Sáu
Chỉ số tham chiếu	VN-Index

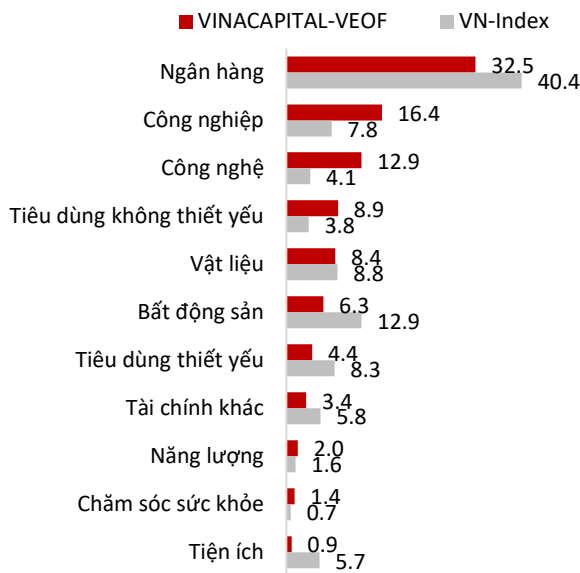
Chỉ số danh mục cổ phiếu

	VINACAPITAL-VEOF	VN-Index
Chỉ số P/E 2024 (x)	12.3	12.7
Chỉ số P/B 2024 (x)	1.9	1.8
Chỉ số ROE 2024 (%)	15.1	14.4
Tỷ suất cổ tức (%)	2.7	3.0
Vòng quay danh mục (%)	56.7	-
Hệ số Sharpe	0.4	0.2
Số lượng cổ phiếu	30	411

Nguồn: dự báo của VinaCapital

Phân bổ theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

Cổ phiếu	Ngành	% Giá trị tài sản ròng
FPT	Công nghệ	12.9
VCB	Ngân hàng	7.1
MBB	Ngân hàng	6.8
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	5.9
CTG	Ngân hàng	5.8
ACB	Ngân hàng	4.5
VPB	Ngân hàng	4.3
HPG	Vật liệu	4.0
VIB	Ngân hàng	4.0
GMD	Công nghiệp	3.2

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VEOF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Trong tháng 10/2024, chỉ số VN-Index giảm 1,8% về 1.264,5 điểm, kéo mức tăng của thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam từ đầu năm về còn 11,9%.

TTCK trong tháng 10 bị tác động bởi tỷ giá và những yếu tố khó đoán định trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ. Sau khi yếu đi trong tháng 9 do Cục dự trữ liên bang Mỹ cắt lãi suất 50 điểm cơ bản, đồng USD đã mạnh lên trên toàn cầu trong tháng 10 do số liệu kinh tế của Mỹ vẫn tích cực và các nước khác được dự báo cũng sẽ cắt giảm lãi suất cùng với Mỹ. Ở Việt Nam, tỷ giá USD/VND từ mức khoảng 24.500 đồng/USD vào cuối tháng 9 đã tăng lên 25.300 đồng vào cuối tháng 10.

Thanh khoản của TTCK vẫn ở mức thấp trong nhiều tháng qua. Giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày đạt 17,8 nghìn tỷ đồng trong tháng 10, tính trên cả 3 sàn, gần như đi ngang so với tháng trước. Khối ngoại bán ròng 11 nghìn tỷ đồng trong tháng 10, trong đó có giao dịch của cổ đông nước ngoài lớn của VIB bán khoảng 10% cổ phần của VIB, tương đương 5,4 nghìn tỷ đồng.

Các doanh nghiệp niêm yết đã công bố kết quả kinh doanh của quý 3/2024. Tổng lợi nhuận ròng quý 3 của các doanh nghiệp trên cả 3 sàn tăng 20% so với cùng kỳ năm trước, nhìn chung đạt kỳ vọng của thị trường, ngoại trừ vài ngân hàng và một số công ty trong lĩnh vực xuất khẩu và năng lượng có phần kém hơn kỳ vọng. Cả ngành ngân hàng đạt tăng trưởng lợi nhuận 18% so với cùng quý năm trước nhưng giảm 8% so với quý trước, chủ yếu do biên lãi cho vay giảm do chính sách hỗ trợ khách hàng và cạnh tranh giữa các ngân hàng. Khối phi ngân hàng đạt tăng trưởng lợi nhuận 22% so với cùng kỳ năm trước và 10% so với quý trước, một kết quả tương đối đáng khích lệ.

CẬP NHẬT QUỸ VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ

Giá trị tài sản ròng trên chứng chỉ quỹ của VINACAPITAL-VEOF giảm 0,8% trong tháng 10. Mức giảm này ít hơn 1% so với mức giảm của VN-Index. Tính từ đầu năm, VINACAPITAL-VEOF tăng 21,1%, so với mức tăng 11,9% của VN-Index.

Về kết quả kinh doanh trong quý 3/2024 của các doanh nghiệp mà quỹ đầu tư, danh mục của quỹ đạt mức tăng trưởng lợi nhuận ròng 19% trong quý 3/2024 so với cùng kỳ năm trước. FPT, cổ phiếu lớn nhất trong danh mục của quỹ, tiếp tục duy trì được tăng trưởng lợi nhuận 20% trong quý 3/2024, với động lực chính là mảng chuyển đổi số trong dịch vụ công nghệ thông tin toàn cầu.

Hai ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước là VCB và CTG cũng đạt tăng trưởng lợi nhuận tích cực trong quý 3. Lợi nhuận của VCB tăng trưởng 18% trong quý 3, đạt 8,6 nghìn tỷ đồng, nhờ giảm chi phí dự phòng nợ xấu. Lợi nhuận của CTG tăng trưởng 35% trong quý 3, đạt 5,2 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ hoàn nhập các khoản dự phòng nợ xấu. Chất lượng tài sản của CTG cũng đang được cải thiện với tỷ lệ nợ xấu giảm và dự phòng bao nợ xấu tăng.

Ở lĩnh vực hàng tiêu dùng, lợi nhuận ròng của MWG đạt 800 tỷ đồng trong quý 3/2024, một bước tiến lớn so với 39 tỷ đồng quý 3 năm trước, do doanh thu tăng 13% và biên lợi nhuận gộp tăng 1,4% nhờ thị trường đã bớt cạnh tranh về giá ở mảng điện thoại, điện máy cũng như hoạt động hiệu quả của mảng bách hóa xanh.

Vào ngày 8/11, Fed đã quyết định cắt lãi suất thêm 25 điểm cơ bản xuống phạm vi 4,5% - 4,75%. Thị trường dự báo có thể sẽ có thêm 1 lần cắt lãi suất 25 điểm cơ bản nữa vào tháng 12. Do đó, chúng tôi kỳ vọng áp lực về tỷ giá sẽ giảm bớt trong thời gian tới. Các số liệu kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong tháng 10 và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết trong quý 3 nhìn chung đạt được kỳ vọng của thị trường. Ngoài ra, Thông tư 68/2024/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 2/11/2024, đã cho phép nhà đầu tư tổ chức nước ngoài mua chứng khoán mà không cần có đủ 100% tiền trên tài khoản, mở đường cho việc nâng hạng TTCK Việt Nam lên thị trường mới nổi bởi FTSE Russell. Với P/E 2024 ở mức 12 lần, TTCK Việt Nam vẫn đang có định giá hợp lý cho đầu tư dài hạn.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2022	0.0%	5.1%	3.3%	-6.0%	-4.1%	-4.7%	-1.3%	5.2%	-10.1%	-10.2%	0.8%	-0.1%	-21.2%
2023	7.8%	-5.3%	1.2%	-0.2%	3.0%	4.2%	8.2%	2.1%	-3.1%	-9.9%	8.5%	3.4%	19.5%
2024	4.1%	7.5%	3.9%	-3.9%	6.0%	0.1%	-0.1%	2.3%	0.8%	-0.8%			21.1%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.